

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ S
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-ST
Ngày: 08- 01- 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về mua bán tài sản
(mua bán hoa kiểng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hai

2. Bà Thạch Thị Thúy Ái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp** tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2018/TLST- DS ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản (mua bán hoa kiểng)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2018, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số: 28/TB-TA ngày 24 tháng 12 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Trần Ngọc H**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khóm N, phường Q, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Minh H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên toà. Riêng ông H có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2016, qua sự bảo lãnh của ông Lê Minh H, ông T có thỏa thuận miệng bán cho ông Trần Ngọc H hoa kiểng loại cúc mâm xôi, số lượng 300 giỏ, giá 50.000đ/giỏ, tổng số tiền 15.000.000đ, ông T bớt cho ông H 500.000đ còn lại 14.500.000đ và ông H trả trước 10.000.000đ còn nợ lại 4.500.000đ.

Đến ngày 02/5/2018 ông H trả được 1.000.000đ và từ đó đến nay ông H không trả tiếp, hiện còn nợ 3.500.000đ. Đồng thời, theo ông T cho rằng ông H1 kêu ông T bán hoa cho ông H nếu ông H không trả tiền thì ông H1 bảo lãnh trả nợ thay. Tuy nhiên, việc thỏa thuận này giữa ông T với ông H1 chỉ là thỏa thuận miệng, không có ai chứng kiến.

Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Trần Ngọc H, ông Lê Minh H liên đới trả lại số tiền nợ mua hoa kiểng 3.500.000đ, với lý do ông H1 là người bảo lãnh cho ông H mua hoa kiểng của ông T. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Ngọc H trình bày:

Ông H thống nhất trình bày của ông T, vào năm 2016 ông H có mua hoa loại cúc mâm xôi, số lượng 300 giỏ, giá 50.000đ/giỏ, thành tiền 15.000.000đ, ông T bớt ông H 500.000đ, còn lại 14.500.000đ. Sau đó, ông H trả cho ông T nhiều lần số tiền 11.000.000đ, nợ lại 3.500.000đ, do ông H mua bán thua lỗ nên chưa trả đủ tiền cho ông T. Việc mua bán giữa ông H với ông T là qua sự giới thiệu của ông H1 để ông H biết ông T có loại hoa cúc mâm xôi chứ ông H1 không có bảo lãnh cho ông H.

Nay ông Trần Ngọc H đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền nợ mua hoa kiểng là 3.500.000đ. Đối với ông Lê Minh H thì ông H không yêu cầu ông H1 liên đới trả nợ cùng ông H cho ông T, vì ông H1 không có liên quan gì đối với số tiền này và ông H1 không có bảo lãnh trả nợ thay ông H. Ngoài ra, không ý kiến gì thêm.

Tại bản tự khai, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh H trình bày:

Ngày 24/12/2016 ăl, ông H có hỏi mua hoa cúc mâm xôi của ông H1, nhưng do lúc đó ông H1 đang đưa hoa lên xe chuyển đi nơi khác bán nên ông H1 giới thiệu ông H đến gặp ông T mua hoa (cúc mâm xôi) và khi ông T, ông H gặp nhau hai bên tự thỏa thuận giá cả, số lượng, thanh toán tiền thế nào thì ông H1 không rõ. Khi hai bên thỏa thuận xong ông T có hỏi ông H1 biết nhà ông H không thì ông H1 trả lời biết, chứ ông T không có đề cập gì đến việc bảo lãnh cho ông H.

Đối với ý kiến của ông T trình bày: Trường hợp, ông H không có khả năng trả tiền cho ông T thì ông H1 bảo lãnh trả thay cho ông H là hoàn toàn không đúng.

Nay ông Lê Minh H không đồng ý liên đới cùng ông H trả tiền nợ mua hoa kiểng cho ông T, vì ông H1 không có bảo lãnh trả nợ thay cho ông H, ông H1 chỉ giới thiệu cho ông H biết ông T có loại hoa cúc mâm xôi để hai bên tự thỏa thuận mua bán.

Trường hợp, Tòa chấp nhận yêu cầu của ông T buộc ông H, ông H1 liên đới trả nợ cho ông T thì ông H1 cũng không yêu cầu tranh chấp với ông H trong vụ án này. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện vụ án khác. Ngoài ra, ông H1 không còn ý kiến gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát thành phố S phát biểu ý kiến:** Trình tự, thủ tục giải quyết xét xử vụ án, các chứng cứ được Toà án thu thập, thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và các đương sự trong vụ án được bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu nguyên đơn.

Buộc ông Trần Ngọc H trả cho ông Nguyễn Văn T tiền nợ mua hoa kiểng là 3.500.000 đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Minh H liên đới trả nợ cùng ông H.

Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, bị đơn ông Trần Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Trần Ngọc H, ông Lê Minh H liên đới trả số tiền nợ mua hoa kiểng là 3.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H thừa nhận năm 2016, ông H có mua hoa loại cúc mâm xôi của ông T số lượng 300 giỏ, giá 50.000đ/giỏ, với số tiền 15.000.000đ, khi tính toán ông T bớt cho ông H 500.000đ, còn lại 14.500.000đ và ông H trả cho ông T nhiều lần số tiền 11.000.000đ, nợ lại 3.500.000đ, do ông H mua bán thua lỗ nên chưa trả tiền đủ cho ông T. Nay ông H thừa nhận còn nợ ông T số tiền 3.500.000 đồng và đồng ý trả cho ông T. Do đó, công nhận sự tự nguyện này của ông H.

[3]. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Lê Minh H liên đới trả nợ cùng ông Trần Ngọc H. Hội đồng xét xử xét thấy:

Việc mua bán giữa ông H với ông T là qua sự giới thiệu của ông H1 để ông H biết ông T có loại hoa cúc mâm xôi và hai bên tự thỏa thuận giá cả, số lượng như thế nào thì

ông H1 không rõ cũng như ông H1 không có bảo lãnh trả nợ thay cho ông H nên ông H1 không đồng ý liên đới cùng ông H trả nợ cho ông T.

Đồng thời, ông H cho rằng việc giao dịch mua bán giữa ông H với ông T là do hai bên tự thực hiện, không có liên quan gì đến ông H1 và ông H1 cũng không có bảo lãnh trả nợ thay cho ông H nên ông H không yêu cầu ông H1 liên đới trả nợ cùng ông H.

Mặt khác, theo ông T trình bày: ông H1 kêu ông T bán hoa cho ông H nếu ông H không trả tiền thì ông H1 bảo lãnh trả thay, vấn đề này các đương sự ông H, ông H1 không thừa nhận và ông T cũng không có chứng cứ chứng minh. Qua xác minh thu thập chứng cứ đối với thành phần Hội đồng hòa giải ở địa phương xác định tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2018, ông H1 trình bày: Ông H1 chịu trách nhiệm đòi tiền của ông H để đưa cho ông T chứ ông H1 không có bảo lãnh trả nợ thay cho ông H. Do đó, xét thấy việc ông T yêu cầu ông H1 liên đới trả nợ cùng ông H là không có cơ sở chấp nhận.

[4]. Đối với ý kiến của ông Lê Minh H: Trường hợp, Tòa chấp nhận yêu cầu của ông T buộc ông H, ông H1 liên đới trả nợ cho ông T thì ông H1 cũng không yêu cầu tranh chấp với ông H trong vụ án này. Nếu có phát sinh tranh chấp ông H1 sẽ khởi kiện vụ án khác nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Với những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Trần Ngọc H trả cho ông Nguyễn Văn T tiền nợ mua hoa kiểng là 3.500.000 đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Minh H liên đới trả nợ cùng ông H.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn T được chấp nhận một phần nên ông Trần Ngọc H phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Đối với một phần yêu cầu của ông T không được chấp nhận thì ông T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T.

Buộc ông Trần Ngọc H trả cho ông Nguyễn Văn T tiền nợ mua hoa kiểng là 3.500.000 đồng.

Bác yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Minh H liên đới trả nợ cùng ông H.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Ngọc H nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn T nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông Nguyễn Văn T đã nộp theo biên lai số 0003489 ngày 04/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được khấu trừ vào tiền án phí phải nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPS;
- THA.TPS;
- Tòa án tỉnh ĐT;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Kiều